

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 71/2026/HSST

Ngày 28/5/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Vĩnh Huệ và ông Trần Ngọc Ánh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký **Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Trị.**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5, Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5- Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Q; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 01/12/1993, tại Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1971 và con bà **Lê Thị T1,** sinh năm 1975, cùng sinh sống tại **thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị;** gia đình có 03 anh, em. Bị cáo là con thứ nhất; Vợ: **Hồ Thị S,** sinh năm 1994 (đã ly hôn); Có 02 người con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 14/12/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Nguyễn Ngọc L,** sinh năm 1986, nơi cư trú: **thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị.** Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hồ Thị H,** sinh năm 1984, nơi cư trú: **thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.** Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị C,** sinh năm 1988, nơi cư trú: **thôn Đ, xã H, tỉnh Quảng Trị.** Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Đăng T2,** sinh năm 1975, nơi cư trú: **khóm B, xã H, tỉnh Quảng Trị.** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 05/11/2025, Nguyễn Ngọc Q đến nhà anh Nguyễn Ngọc L (sinh năm 1986, cùng thôn, có quan hệ họ hàng) để ngủ lại. Khi đến nơi, Q thấy trong nhà đã tắt điện, mọi người ngủ say; trước hiên nhà có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, BKS74G1-190.10 (xe đứng tên chị Nguyễn Thị C, do anh Nguyễn Ngọc L trực tiếp quản lý, sử dụng). Quan sát thấy cửa chính và cửa lên nhà trên đều khóa, riêng cửa hông nhà dưới khép hờ nên Q đi vào theo lối này và lên nằm ngủ cùng anh L.

Trong lúc nằm ngủ, Quyền phát hiện dưới gối có ổ chìa khóa xe. Lợi dụng anh L ngủ say, Q nảy sinh ý định lấy trộm xe bán tiêu xài cá nhân, Quyền lấy chìa khóa, đi xuống nhà dưới, ra vị trí dựng xe, bấm mở khóa điện, khởi động xe rồi điều khiển xe về nhà thay quần áo rồi tiếp tục chạy theo Quốc lộ I hướng Đakrông. Khi đến Km27, Quyền dừng lại kiểm tra, phát hiện trong cốp xe có 01 ví da, bên trong có giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị C, 01 thẻ CCCD của anh L và số tiền 2.100.000 đồng nên tiếp tục chiếm đoạt số tiền và giấy tờ này. Sau đó Q điều khiển xe đến Km41, vào một nhà nghỉ (không rõ tên) để ngủ qua đêm.

Đến sáng ngày 06/11/2025, Q điều khiển xe đến nhà chị Hồ Thị H (sinh năm 1984, trú tại thôn L, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị). Tại đây, do trước đó có nợ tiền chị H, Q đã lấy số tiền 2.100.000 đồng chiếm đoạt được đưa cho chị H để trả nợ nhưng không đủ. Quyền tiếp tục nảy sinh ý định đem xe vừa trộm được đi cầm cố để lấy tiền.

Sau đó, Q điều khiển xe đến khu vực trung tâm xã H, huyện Đ và đến tiệm S1 do anh T3 làm chủ để cầm cố xe. Khi được anh T3 hỏi về nguồn gốc xe, Quyền dối khai là xe của mình (do chị gái bán lại). Tin tưởng, anh T3 đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô nêu trên với số tiền 23.000.000 đồng, có lập giấy nhận cầm (hẹn đến ngày 26/11/2025 chuộc lại). Quyền giao xe cho anh T3 và nhận tiền.

Sau khi nhận tiền, Q quay lại nhà chị Hồ Thị H, sử dụng số tiền cầm cố được vào mục đích tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn Ngọc Q thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐG ngày 12/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân xã H đã định giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu sơn đỏ - đen; gắn biển kiểm soát 74G1 – 190.10, số khung: RLHJF6337NZ108, số máy JF49E0437504, xe đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 19.000.000 đồng.

Vật chứng và tài liệu, đồ vật thu giữ gồm:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 74002508; nơi cấp: Công an huyện C; xe mô tô có đăng ký biển số 74G1 -190.10. Tên chủ xe: Nguyễn Thị C

- 01 (một) xe mô tô BKS: 74G1 - 190.10; Nhãn hiệu Honda; số loại AIR BLADE; số máy: JF94E0437504; số khung: RLHJF6337NZ108114; màu sơn Đỏ đen.

Cáo trạng số: 32/CT-VKS-KV5 ngày 04/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Quảng Trị truy tố bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5, Quảng Trị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** từ 15 (*mười lăm*) tháng đến 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị. Lời khai nhận tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở, kết luận:

Ngày 05/11/2025, tại thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị, lợi dụng lúc anh **Nguyễn Ngọc L** đang ngủ, **Nguyễn Ngọc Q** đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen, gắn biển kiểm soát 74G1-190.10 trị giá 19.000.000 đồng và số tiền 2.100.000 đồng của anh **Nguyễn Ngọc L**. Như vậy, hành vi của **Nguyễn Ngọc Q** đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 32/CT-VKSKV5 -QT ngày 04/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Trị truy tố bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự cho bị cáo, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo cũng đã tự nguyện trả lại số tiền 23.000.000 đồng cho anh **Nguyễn Đăng T2**; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang lo lắng của một bộ phận quần chúng nhân dân sống trên địa bàn. Tuy nhiên bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại mà bị cáo gây ra không lớn và đã được khắc phục. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về dân sự nên không xem xét.

[6] Việc xử lý các đối tượng liên quan:

Đối với ông **Nguyễn Đăng T2** là chủ cửa hàng cầm cố xe máy, khi **Q** mang xe đến cửa hàng để cầm cố, anh **T3** không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của anh **T2** không có cơ sở xử lý.

Đối với chị **Hồ Thị H**: Số tiền 2.100.000 đồng mà **Q** trả cho chị **H** là tiền do phạm tội mà có, tuy nhiên chị **H** không biết là tài sản do Quyền trộm cắp nên không có cơ sở xử lý.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu sơn đỏ - đen, gắn biển kiểm soát 74G1 – 190.10, chủ sở hữu là **Nguyễn Thị C**, tuy nhiên qua quá trình điều tra, lấy lời khai xác định: **Nguyễn Thị C** là người đứng tên đăng ký xe giúp anh **Nguyễn Ngọc L** để trả góp, số tiền trả góp hàng tháng do anh **L** trực tiếp trả và anh **L** là người trực tiếp sử dụng, quản lý chiếc xe nói trên. Do đó, xác định anh **Nguyễn Ngọc L** là bị hại trong vụ án là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan chức năng đã trả lại các tài sản đã thu giữ cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** (Tên gọi khác: Không có) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** cho Ủy ban nhân xã H, tỉnh Quảng Trị giám sát,

giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5;
- C.quan CSĐT (PC03) CA tỉnh Q.Trị;
- Thi hành án dân sự Quảng Trị;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Khánh Phương

